

Bản án số: **14/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 09 – 4 - 2019

*V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Văn Dũng
2. Ông Nguyễn Đắc Liệt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 10/2019/TLST-HNGĐ ngày 03/01/2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/3/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/3/2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Khu C, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

*2. Bị đơn:* Ông Trần Huỳnh T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu C, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

*(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:*

Bà và ông Trần Huỳnh T sau một thời gian tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố V. Quá trình chung sống, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được thời gian đầu. Từ đầu năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hàng ngày ông T đều đi nhậu rồi về nhà kiêu chuyện, xúc phạm bà, ghen tuông vô cớ với bà. Về kinh tế gia đình ông T cũng không phụ giúp bà. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ để ông T thay đổi, vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng ông T vẫn không thay đổi. Bà và

ông T mặc dù vẫn ở chung nhà nhưng đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 đến nay, không có sự chia sẻ, không quan tâm đến nhau mà việc ai người đó làm. Bà xác định hôn nhân của vợ chồng bà không có hạnh phúc, nếu cuộc sống cứ kéo dài như thế này bà sẽ rất mệt mỏi. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Huỳnh T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 người con chung tên Trần Hạo N, sinh ngày 27/7/2013 và Trần Đăng K, sinh ngày 05/02/2016. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Trần Huỳnh T:* Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại phiên tòa:*

- Bà Nguyễn Thị Thu H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định pháp luật. Vụ án được giải quyết đúng thời hạn luật định. Việc chấp hành Pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí, nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

### **[1] Về tố tụng:**

Bà Nguyễn Thị Thu H yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Trần Huỳnh T có địa chỉ tại thành phố V. Do đó, xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V theo quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trần Huỳnh T được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai các văn bản tố tụng của Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Huỳnh T.

### **[2] Về nội dung:**

**[2.1] Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Huỳnh T có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị Thu H xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do ông T thường xuyên đi nhậu về rồi kiếm có xúc phạm, chửi bới và hay ghen tuông vô cớ với bà. Ngoài ra, ông T còn không lo làm ăn để phụ giúp kinh tế gia đình cùng với bà. Bà đã nhiều lần khuyên bảo ông T thay đổi để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng ông T vẫn chứng nào tật đó. Vợ chồng bà mặc dù ở chung nhà nhưng đã sống ly thân nhau từ năm 2015 đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân: chính quyền địa phương cũng như cơ quan quản lý nơi ông Thọ, bà Hà đang sinh sống không cung cấp được thông tin mâu thuẫn vợ chồng ông T và bà H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông T đến Tòa án hòa giải để tạo điều kiện cho bà H và ông T giải quyết mâu thuẫn về đoàn tụ gia đình nhưng ông T vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được, điều đó cũng thể hiện ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong suốt quá trình tố tụng, bà H vẫn cương quyết xin ly hôn với ông T do không còn tình cảm với ông T nữa nên khả năng vợ chồng đoàn tụ là rất khó khăn. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở.

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu H.

**[2.2] Về con chung:** Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Huỳnh T có 02 con chung tên Trần Hạo N, sinh ngày 27/7/2013 và Trần Đăng K, sinh ngày 05/02/2016. Khi ly hôn, bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung nên việc giao cháu N và cháu K cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

**[2.3] Về sản chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

**[2.4] Về nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

**[3] Về án phí:** Bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử :

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H.

**1. Về hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị Thu H ly hôn với ông Trần Huỳnh T.

**2. Về con chung:** Giao cháu Trần Hạo N, sinh ngày 27/7/2013 và cháu Trần Đăng K, sinh ngày 05/02/2016 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Ông T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

**3. Về tài sản chung, nợ chung, cấp dưỡng nuôi con:** Không xem xét.

**4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:** Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010260 ngày 28/12/2018 tại Chi cục thi hành án Dân sự thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà H đã nộp xong án phí.

**5.** Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**6.** Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận:*

- TAND t. Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND tp. V;
- Chi cục THADS tp. V;
- UBND P.8, tp. V;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Lê Thị Thanh**